

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819702] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2314B)
CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 13.
Số bài thi: ...13...
Số tờ giấy thi:.....

Thầy Tân Tô Hồng
Thầy Tân Tô Hồng
Đặng Khắc
Đặng Khắc

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123140064	Nguyễn Công	Cương	01/02/2005	CCQ2314B		Cương	8.0	9.0	8.6
2	2123140055	Trần Quốc	Đạt	06/07/2005	CCQ2314B		Đạt	5.9	8.0	7.2
3	2123140070	Lê Hữu Minh	Đức	14/12/2005	CCQ2314B			3.8	0.0	1.5
4	2123140058	Phạm Trường	Giang	29/11/2005	CCQ2314B		Giang	7.6	7.5	7.5
5	2123140046	Nguyễn Anh	Hào	09/11/2005	CCQ2314B		Hào	7.1	7.0	7.0
6	2123140040	Bùi Chí	Hiếu	02/01/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
7	2123140044	Trần Hữu	Hiếu	22/04/2005	CCQ2314B			6.8	7.0	6.9
8	2123140068	Nguyễn Huy	Hoàng	25/01/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
9	2123140074	Trần Gia	Huy	08/11/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
10	2123140059	Dương Việt	Khải	01/12/2005	CCQ2314B			2.9	0.0	1.2
11	2123140045	Nguyễn Trọng	Khanh	05/11/2005	CCQ2314B		Khanh	7.2	8.5	8.0
12	2123140120	Trần Công Duy	Khánh	17/04/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
13	2123140052	Kiều Chiêm Quốc	Khoa	02/09/2004	CCQ2314B			4.3	0.0	1.7
14	2123140066	Nguyễn Văn	Khoa	30/05/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
15	2123140124	Nguyễn Phạm Tuấn	Kiệt	31/01/2005	CCQ2314B		Tuấn	7.8	7.0	7.3
16	2123140039	Nguyễn Duy	Lê	10/07/2005	CCQ2314B		Lê	7.1	8.0	7.6
17	2123140063	Lê Hữu	Nghĩa	30/08/2005	CCQ2314B		Nghĩa	8.5	9.5	9.1
18	2123140067	Vũ Trọng	Nghĩa	09/11/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
19	2123140071	Trần Trung	Nguyên	27/02/2005	CCQ2314B		Trung	7.5	7.0	7.2
20	2123140054	Bùi Văn	Như	08/09/2004	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
21	2123140036	Trần Tấn	Phú	09/10/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
22	2123140050	Hồ Nguyễn Đức	Quyên	07/09/2005	CCQ2314B		Quyên	8.4	9.5	9.1
23	2123140048	Bá Tài Văn	Quyên	08/06/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
24	2123140053	Bá Ngọc	Son	30/01/2005	CCQ2314B		Son	6.1	5.0	5.4
25	2123140078	Nguyễn Đức	Tân	07/01/2005	CCQ2314B		Tân	5.6	1.0	2.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819703] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2314B)
CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 15...
Số bài thi: ... 15...
Số tờ giấy thi:.....

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123140006	Nguyễn Hữu	Luân	13/08/2005	CCQ2314A		<i>(Signature)</i>	6.8	8.0	7.5
2	2123140016	Thiệu Ngọc	Luân	20/03/2005	CCQ2314A		<i>(Signature)</i>	5.0	7.5	6.5
3	2123140042	Văn Lê Trọng	Lượng	05/11/2005	CCQ2314A		<i>(Signature)</i>	4.9	8.0	6.8
4	2123140007	Nguyễn Đồng Đại	Nghĩa	21/06/2005	CCQ2314A			0.0	0.0	0.0
5	2123140003	Nguyễn Phạm Thành	Phúc	07/09/2005	CCQ2314A			4.4	0.0	1.8
6	2123140041	Lê Hồng	Quân	16/07/2005	CCQ2314A		<i>(Signature)</i>	5.5	5.0	5.2
7	2123140013	Vũ Hà	Tây	23/11/2005	CCQ2314A		<i>(Signature)</i>	5.6	7.5	6.7
8	2123140062	Nguyễn Đức	Thạnh	10/11/2005	CCQ2314B		<i>(Signature)</i>	7.4	7.5	7.5
9	2123140049	Nguyễn Hữu	Thảo	18/02/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
10	2123140056	Nguyễn Minh	Thông	24/11/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
11	2123140038	Vũ Minh	Thuận	14/03/2005	CCQ2314B		<i>(Signature)</i>	7.0	8.0	7.6
12	2123140029	Trần Hồ Trung	Tín	05/05/2005	CCQ2314A		<i>(Signature)</i>	7.4	9.5	8.7
13	2123140047	Lư Minh	Trí	27/03/2005	CCQ2314B		<i>(Signature)</i>	6.1	7.0	6.6
14	2123140017	Trần Hữu	Trí	19/12/2005	CCQ2314A		<i>(Signature)</i>	5.1	6.5	5.9
15	2123140060	Lê Quang	Triều	02/03/2005	CCQ2314B		<i>(Signature)</i>	6.8	7.0	6.9
16	2123140065	Đoàn Văn	Trung	24/05/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
17	2123140072	Đoàn Nhật	Trường	16/11/2005	CCQ2314B		<i>(Signature)</i>	6.3	9.0	7.9
18	2123140025	Nguyễn Duy	Trường	22/02/2005	CCQ2314A			0.0	0.0	0.0
19	2123140035	Hấp Minh	Truyền	17/11/2005	CCQ2314A		<i>(Signature)</i>	5.9	9.0	7.8
20	2123140061	Lưu Đỗ Tấn	Tú	30/07/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
21	2123140051	Não Thanh	Tuấn	09/01/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
22	2123140043	Nguyễn Đình	Tuấn	24/06/2005	CCQ2314B			0.0	0.0	0.0
23	2123140004	Hoàng Quang	Vinh	23/08/2005	CCQ2314A			0.0	0.0	0.0
24	2123140057	Nguyễn Tấn	Vương	23/08/2005	CCQ2314B		<i>(Signature)</i>	8.9	9.5	9.3
25	2123140032	Nguyễn Phước	Xuyên	14/06/2005	CCQ2314A		<i>(Signature)</i>	7.2	8.0	7.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819701] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2314A)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 16...

Số bài thi:16...

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123140122	Nguyễn Hoàng	Anh	26/06/2004	CCQ2314A			0.0	0.0	0.0
2	2123140002	Nguyễn Hoài	Bảo	31/08/2005	CCQ2314A		Bảo	5.9	7.0	6.6
3	2123140021	Nguyễn Lê Hoài	Bảo	29/11/2005	CCQ2314A			1.2	0.0	0.5
4	2123140012	Võ Nguyên	Bôn	11/06/2005	CCQ2314A			2.4	0.0	1.0
5	2123140033	Huỳnh Quang	Chiến	10/04/2005	CCQ2314A		ch	6.9	9.3	8.3
6	2123140028	Lê Văn	Cửa	01/12/2004	CCQ2314A		ce	8.8	9.5	9.2
7	2123140014	Triệu Trương	Đạt	12/02/2005	CCQ2314A		Đạt	6.2	8.0	7.3
8	2123140009	Lê Ngọc	Đức	10/08/2005	CCQ2314A		Đức	7.1	5.0	5.8
9	2123140026	Trần Văn	Đức	29/07/2005	CCQ2314A		Đức	8.3	8.5	8.4
10	2123140011	Nguyễn Hùng	Dũng	09/12/2005	CCQ2314A			0.0	0.0	0.0
11	2123140116	Nguyễn Tấn	Dũng	01/01/2005	CCQ2314A		Dũng	5.9	9.0	7.8
12	2123140087	Nguyễn Vũ	Duy	26/05/2005	CCQ2314A			8.9	9.5	9.3
13	2123140019	Nguyễn Xuân	Giang	05/12/2005	CCQ2314A		Giang	4.2	7.0	5.9
14	2123140022	Lê Phúc	Hiền	21/09/2005	CCQ2314A		Hiền	6.1	6.5	6.3
15	2123140123	Nguyễn Tấn	Hoành	18/01/2005	CCQ2314A		Hoành	6.3	7.5	7.0
16	2123140023	Lý Văn	Hợp	16/01/2005	CCQ2314A		Hợp	7.0	7.0	7.0
17	2123170648	Quảng Quang	Hữu	03/08/2005	CCQ2314A			0.0	0.0	0.0
18	2123140018	Hoàng Khánh	Huy	10/11/2005	CCQ2314A			0.0	0.0	0.0
19	2123140015	Lê Văn	Huy	09/01/2005	CCQ2314A		Huy	7.1	6.0	6.4
20	2123140118	Vũ Quang	Huy	19/05/2002	CCQ2314A			0.0	0.0	0.0
21	2123140020	Trần Văn	Khánh	06/08/2005	CCQ2314A			8.1	8.5	8.3
22	2123140031	Mai Lê Tấn	Khương	07/06/2005	CCQ2314A		Khương	5.8	6.0	5.9
23	2123140008	Ngô Hữu	Lợi	18/07/2005	CCQ2314A		Lợi	8.1	9.0	8.6